

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC THI NGHỊ ĐỊNH SỐ 10/2018/NĐ-CP
NGÀY 15 THÁNG 01 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH
CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT QUẢN LÝ NGOẠI THƯƠNG
VỀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

PHẦN I: THÀNH TỰU VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1.1. Đánh giá chung

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) để ngăn chặn những thiệt hại của hàng nhập khẩu gây ra đối với hàng hóa sản xuất trong nước đã và đang trở thành xu thế chung của tất cả các quốc gia. Do vậy, các chế định về PVTM đã trở thành nội dung quan trọng trong khuôn khổ pháp luật về thương mại quốc tế của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) nói chung, cũng như trong hệ thống pháp luật của từng quốc gia thành viên nói riêng. Trong đó, pháp luật PVTM luôn có vị trí quan trọng và được các nước áp dụng khá phổ biến để bảo vệ các ngành sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh không lành mạnh từ hàng hóa nhập khẩu bán phá giá, được trợ cấp hoặc sự gia tăng quá mức từ hàng hóa nhập khẩu.

Tại Việt Nam, pháp luật về PVTM giai đoạn trước năm 2018 (gồm 03 Pháp lệnh và 03 Nghị định hướng dẫn) ra đời từ năm 2002 (tự vệ), 2004 (chống bán phá giá và chống trợ cấp) và hình thành trong giai đoạn Việt Nam thực hiện những nỗ lực nước rút để gia nhập WTO, mục tiêu được đặt ra đối với các chế định này là hoàn thiện hệ thống pháp luật của Việt Nam cho phù hợp với quy định của WTO và sẵn sàng cho thời kỳ hội nhập sau khi Việt Nam gia nhập tổ chức này. Tuy nhiên việc nội luật hóa các quy định về PVTM của WTO còn nhiều hạn chế nên các quy định trong Pháp lệnh PVTM còn nhiều điểm chưa hợp lý, các quy định còn đơn giản và mang tính nguyên tắc, nhiều nội dung quan trọng chưa được quy định hoặc chưa được giải quyết triệt để... Từ khi các văn bản nêu trên có hiệu lực thi hành cho đến hết năm 2017, Việt Nam mới tiến hành điều tra và áp dụng 05 vụ việc tự vệ, 03 vụ việc chống bán phá, và chưa tiến hành điều tra chống trợ cấp.

Luật Quản lý ngoại thương (QLNT) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đã chấm dứt hiệu lực của các văn bản quy phạm pháp luật trước đây về các biện pháp PVTM, bao gồm 03 Pháp lệnh và 03 Nghị định hướng dẫn thực thi các quy định về PVTM.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 10/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLNT về các biện pháp PVTM (sau đây gọi tắt là Nghị định 10/2018/NĐ-CP). Nghị định 10/2018/NĐ-CP là Nghị định chung về các biện pháp PVTM thay vì các quy định riêng rẽ như trước đây tại các Nghị định số 150/2003/NĐ-CP ngày 8 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam, Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Chống bán phá giá hàng nhập khẩu vào Việt Nam và Nghị định số 89/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định chi tiết, cụ thể hóa các nguyên tắc của WTO về PVTM được nội luật hóa trong Luật QLNT nhằm thiết lập hành lang pháp lý cho việc điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM. Nghị định 10/2018/NĐ-CP gồm 07 Chương, 95 Điều quy định nhưng nội dung cơ bản bao gồm:

- Nhóm các quy định chung;
- Nhóm các quy định về căn cứ tiến hành, trình tự, thủ tục, thời hạn, nội dung, căn cứ chấm dứt điều tra vụ việc PVTM;
- Nhóm các quy định về xác định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước;
- Nhóm các quy định về chống lẫn tránh biện pháp PVTM;
- Nhóm các quy định về áp dụng, rà soát biện pháp PVTM;
- Nhóm các quy định về trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan trong quá trình điều tra;
- Nhóm các quy định về miễn trừ áp dụng biện pháp PVTM;
- Nhóm các quy định về xử lý biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Nghị định 10/2018/NĐ-CP được đánh giá là văn bản pháp lý xương sống cho hoạt động điều tra và ứng phó đối với lĩnh vực PVTM của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển biến về nhận thức và mối quan tâm về chính sách thương mại của Chính phủ trong tiến trình hội nhập quốc tế về kinh tế. Đặc biệt, đối mặt với

giai đoạn chiến tranh thương mại toàn cầu gay gắt, nhiều rủi ro và thách thức trong hoạt động xuất nhập khẩu, việc ban hành Nghị định là một chủ trương đúng đắn, phù hợp bối cảnh thương mại quốc tế, góp phần tạo lập hành lang pháp lý rõ ràng và minh bạch cho công tác điều tra PVTM, bảo đảm hài hòa lợi ích các bên tham gia, đồng thời thúc đẩy sự lớn mạnh của các ngành sản xuất trong nước, nâng cao sức cạnh tranh cho doanh nghiệp khi chúng ta tham gia hàng loạt các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới.

Tính đến hết tháng 8 năm 2024, Việt Nam đã khởi xướng điều tra, áp dụng 29 vụ việc PVTM, trong đó có 20 vụ việc chống bán phá giá, 01 vụ việc chống trợ cấp, 06 vụ việc tự vệ và 02 vụ việc chống lẩn tránh biện pháp PVTM, tăng thu cho ngân sách nhà nước khoảng 1,5 nghìn tỷ mỗi năm. Điều này cho thấy Việt Nam đã và đang phát huy vai trò của các biện pháp PVTM như một công cụ để bảo đảm môi trường thương mại công bằng nhằm ngăn chặn tác động tiêu cực của hàng nhập khẩu đến sản xuất trong nước và lao động, việc làm, bảo đảm an ninh kinh tế và an sinh xã hội.

1.2. Kết quả điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp

Tính đến hết tháng 8 năm 2024, đã có 21 vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với hàng nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam đã được khởi xướng điều tra, áp dụng thực sự là công cụ hữu hiệu bảo vệ các nhà sản xuất trong nước trong các ngành công nghiệp được coi là “non trẻ” của Việt Nam.

Trong số đó, 07 biện pháp chống bán phá giá được áp dụng đối với sản phẩm thép và các sản phẩm liên quan đến thép đã tạo đà cho ngành công nghiệp thép của Việt Nam từng bước chuyển mình mạnh mẽ. Các biện pháp chống bán phá giá đã ngăn chặn hành vi cạnh tranh không lành mạnh đối với các sản phẩm thép nhập khẩu tại thị trường Việt Nam. Lượng nhập khẩu thép và các sản phẩm liên quan đến thép từ các quốc gia có ngành công nghiệp thép phát triển vào Việt Nam giảm mạnh sau khi bị điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá (Vụ việc AD01, AD02: Trung Quốc giảm 43-45%, Indonesia giảm 43-66%, Malaysia giảm 47-50%, Đài Loan giảm 41-48%; Vụ việc AD03: Trung Quốc giảm 56-89%, Vụ việc AD04: Trung Quốc giảm 41-52%, Hàn Quốc giảm 42-63%; Vụ việc AD08: Trung Quốc giảm 30-43%).

Ngoài các sản phẩm thép, các ngành công nghiệp cơ bản của Việt Nam như cao su, nhựa, ván gỗ công nghiệp, sợi, bột ngọt, đường mía... cũng được hưởng lợi rất lớn từ hiệu quả của các biện pháp chống bán phá giá. “Hiệu ứng chuyển dịch thuế” (Rent-shifting Effect) từ các biện pháp chống bán phá giá đã chuyển

lợi nhuận từ nền kinh tế nước ngoài tham gia bán phá giá về phía thị trường đang bị bán phá giá thông qua doanh thu nhập khẩu. Lượng nhập khẩu các sản phẩm này kể từ khi áp dụng biện pháp chống bán phá giá đã giảm đi rõ rệt, nhường lại thị phần cho các doanh nghiệp nội địa và ngành sản xuất trong nước. (Vụ việc AD07 đối với sản phẩm màng BOPP: Trung Quốc giảm 3-14%, Thái Lan giảm 67%, Malaysia giảm 65-70%; Vụ việc AD09 đối với sản phẩm bột ngọt: Trung Quốc giảm 37%, Indonesia giảm 17-19%).

Bảng 1: Kết quả điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp

STT	Nội dung	Thống kê vụ việc
1	Khởi xướng điều tra, áp dụng biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp	- 20 vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp chống bán phá giá: AD01, AD02, AD03, AD04, AD05, AD06, AD07, AD08, AD09, AD10, AD11, AD12, AD13, AD14, AD15, AD16, AD17, AD18, AD19, AD20 - 01 vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp chống trợ cấp: AS01
2	Áp dụng biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp đang có hiệu lực	- 12 vụ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đang có hiệu lực (có thuế): AD01, AD03, AD05, AD07, AD08, AD09, AD10, AD12, AD13, AD14, AD15, AD16. - 01 vụ việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp đang có hiệu lực (có thuế): AS01
3	Vụ việc đang trong giai đoạn điều tra	04 vụ việc đang trong giai đoạn điều tra: AD17, AD18, AD19 và AD20

(Theo số liệu thống kê của Bộ Công Thương tính đến hết tháng 8 năm 2024)

1.3. Kết quả điều tra áp dụng biện pháp tự vệ

Trong số 06 biện pháp tự vệ mà Việt Nam khởi xướng điều tra, áp dụng, các sản phẩm nhập khẩu bị áp dụng biện pháp đều là những hàng hóa công nghiệp dân dụng cơ bản hoặc nguyên vật liệu có hàm lượng kỹ thuật, chất lượng cao. Cụ thể là các sản phẩm: kính màu, dầu thực vật, thép, tôn màu, phân bón MAP, DAP

và bột ngọt. Các biện pháp tự vệ được áp dụng đã mang lại những hiệu quả kinh tế rõ ràng, tạo được động lực nhằm hình thành nền móng cho ngành sản xuất trong nước.

Số liệu thống kê sau đây cho thấy các biện pháp tự vệ đã tạo ra tác động tới lượng hàng nhập khẩu rõ rệt, sau khi biện pháp thuế tự vệ hoặc hạn ngạch nhập khẩu được áp dụng, lượng hàng nhập khẩu đã giảm hàng năm: Vụ việc SG04 đối với sản phẩm bột thép: lượng nhập khẩu giảm dần từ 1.609.714 tấn năm 2015 xuống 0 tấn năm 2020; Vụ việc SG04 đối với sản phẩm thép dài: lượng nhập khẩu giảm dần từ 1.153.461 tấn năm 2015 xuống 324.669 tấn năm 2020; Vụ việc SG06 đối với sản phẩm phân bón DAP, MAP: lượng nhập khẩu giảm dần từ 1.033.281 tấn năm 2015 xuống 600.842 tấn năm 2020.

Bảng 2: Kết quả điều tra áp dụng biện pháp tự vệ

STT	Nội dung	Thống kê vụ việc
1	Khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp tự vệ	<p>Tính đến nay, Việt Nam đã khởi xướng điều tra 06 vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Vụ việc SG01: Điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng kính nổi ▪ Vụ việc SG02: Điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng dầu thực vật tinh luyện ▪ Vụ việc SG03: Điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng bột ngọt ▪ Vụ việc SG04: Điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng bột thép và thép dài ▪ Vụ việc SG05: Điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng tôn màu ▪ Vụ việc SG06: Điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng phân bón DAP, MAP

STT	Nội dung	Thống kê vụ việc
2	Áp dụng biện pháp tự vệ đang có hiệu lực	01 vụ việc: SG04: áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng thép dài.
3	Vụ việc đang trong giai đoạn điều tra	Hiện Việt Nam chưa có thêm vụ việc mới nào đang trong giai đoạn điều tra áp dụng biện pháp tự vệ.

(Theo số liệu thống kê của Bộ Công Thương tính đến hết tháng 8 năm 2024)

1.4. Kết quả điều tra áp dụng biện pháp chống lẫn tránh các biện pháp PVTM

Đối với công tác chống lẫn tránh biện pháp PVTM, Cơ quan điều tra (CQĐT) về PVTM của Việt Nam đã khởi xướng điều tra và áp dụng 02 biện pháp đối với sản phẩm thép cuộn, thép dây và đường mía nhập khẩu. Để bảo đảm hiệu quả của biện pháp PVTM đang có hiệu lực, ngoài việc theo dõi chặt chẽ các biện pháp, Bộ Công Thương đã xây dựng và cập nhật định kỳ Danh sách cảnh báo các mặt hàng có nguy cơ gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp nhằm lẫn tránh biện pháp PVTM gửi các cơ quan, đơn vị liên quan trong và ngoài nước.

Bảng 3: Kết quả điều tra áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp PVTM

STT	Nội dung	Thống kê vụ việc
1	Khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp PVTM	- 01 vụ điều tra chống lẫn tránh biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp (AC02.AD13-AS01); - 01 vụ điều tra chống lẫn tránh biện pháp tự vệ) (AC01.SG04).
2	Áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp PVTM đang có hiệu lực	- 01 vụ điều tra chống lẫn tránh biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp (AC02.AD13-AS01); - 01 vụ điều tra chống lẫn tránh biện pháp tự vệ) (AC01.SG04).
3	Vụ việc đang trong giai đoạn điều tra	0 vụ

(Theo số liệu thống kê của Bộ Công Thương tính đến hết tháng 8 năm 2024)

1.5. Kết quả các biện pháp rà soát

a. Kết quả rà soát biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp

Đối với rà soát biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp, Việt Nam đã tiến hành rà soát 28 vụ việc. Cụ thể theo bảng số liệu dưới đây:

Bảng 4: Kết quả rà soát biện pháp chống bán phá giá và trợ cấp

Năm	Rà soát theo đề nghị của bên liên quan		Rà soát cuối kỳ		Rà soát nhà xuất khẩu mới		Tổng cộng theo năm
	Số lượng	Mã vụ việc vụ thể	Số lượng	Mã vụ việc vụ thể	Số lượng	Mã vụ việc vụ thể	
2018	0	-	1	ER01.AD01	0	-	1
2019	2	AR01.AD02 AR01.AD03	0	-	0	-	2
2020	2	AR01.AD04 AR01.AD05	0	-	1	NR01.AD04	3
2021	2	AR01.AD07 AR01.AD09	2	ER01.AD02 ER01.AD03	0	-	4
2022	3	AR02.AD05 AR01.AD10 AR01.AD13-AS01	0	-	3	NR02.AD04 NR01.AD07 NR01.AC02. AD13-AS01	6
2023	4	AR01.AD13-AS01 AR02.AD09 AR01.AD10 AR02.AD03	3	ER02.AD01 ER01.AD04 ER01.AD05	4	NR01.AD04 NR01.AC02-AD13.AS01 NR01.AD07 NR02.AC02. AD13.AS01	10
2024	0		2	ER01.AD07 ER01.AD09	0		2
Tổng cộng		10		3		4	28

(Theo số liệu thống kê của Bộ Công Thương tính đến hết tháng 8 năm 2024)

b. Kết quả rà soát biện pháp tự vệ

Đối với rà soát biện pháp tự vệ, Việt Nam đã tiến hành rà soát 6 biện pháp tự vệ. Cụ thể theo bảng số liệu dưới đây:

Bảng 5: Kết quả rà soát biện pháp tự vệ

STT	Năm	Vụ việc	Nội dung
1	2018	IR01.SG03	Rà soát giữa kỳ biện pháp tự vệ đối với sản phẩm bột ngọt
2	2018	IR01.SG04	Rà soát giữa kỳ biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài
3	2020	ER01.SG04	Rà soát cuối kỳ biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu
4	2023	ER02.SG04	Rà soát cuối kỳ lần 02 biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu
5	2020	ER01.SG06	Rà soát cuối kỳ biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phân bón DAP, MAP nhập khẩu
6	2022	ER02.SG06	Rà soát cuối kỳ lần 02 biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phân bón DAP, MAP nhập khẩu

(Theo số liệu thống kê của Bộ Công Thương tính đến hết tháng 8 năm 2024)

c. Kết quả rà soát biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM

01 vụ việc: Rà soát nhà xuất khẩu mới trong vụ việc lẩn tránh biện pháp CBPG/CTC đường mía, mã vụ việc NR01.AC02.AD13-AS01 (đã thống kê ở bảng trên).

1.6. Kết quả việc xử lý biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

Đối với công tác kháng kiện, cho đến hết tháng 8 năm 2024, đã có 254 vụ việc PVTM được điều tra, áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ra các nước trên thế giới.

Chỉ tính riêng 05 năm gần đây đã có 90 vụ, chủ yếu với các thị trường Hoa Kỳ, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ và EU khiến một số mặt hàng xuất khẩu phải chịu mức thuế cao, ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu cả ngành hàng, ảnh hưởng đến công ăn, việc làm của hàng triệu lao động và gây tác động lớn đến chính sách xuất nhập

khẩu, suy giảm lợi thế là quốc gia xuất khẩu hàng đầu trong khu vực của Việt Nam.

Tính từ đầu năm 2020 đến nay, dù hoạt động thương mại bị đình trệ do dịch Covid-19 nhưng số vụ khởi xướng điều tra liên quan đến PVTM tăng lên đáng kể, Việt Nam đang phải ứng phó với 90 vụ việc. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, quan trọng của Việt Nam như thủy sản (tôm, cá tra, cá basa), sắt, thép, nhôm, gỗ, mật ong, dệt may, nông sản... đều đứng trước nguy cơ bị điều tra, áp dụng biện pháp PVTM.

Bảng 6: Kết quả việc xử lý biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

STT	Nội dung	Thống kê vụ việc
I	Tổng số vụ việc xử lý biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam	
1.1	Số lượng vụ việc chống bán phá giá, trợ cấp	162 (trong đó có 138 vụ việc chống bán phá giá, 24 vụ việc chống trợ cấp)
1.2	Số lượng vụ việc tự vệ	51
1.3	Số lượng vụ việc lẫn tránh biện pháp PVTM	37
II	Thống kê số lượng vụ việc theo một số thị trường trọng điểm	
2.1	Thị trường Hoa Kỳ	64
2.2	Thị trường Ấn Độ	33
2.3	Thị trường EU	15
2.4	Thị trường Úc	18
2.5	Thị trường Canada	19
2.6	Thị trường Thổ Nhĩ Kỳ	26

(Theo số liệu thống kê của Bộ Công Thương tính đến hết tháng 8 năm 2024)

PHẦN II: HẠN CHẾ VÀ BẤT CẬP

Sau gần 06 năm thực thi, Bộ Công Thương đã tiến hành rà soát tình hình thực thi Nghị định 10/2018/NĐ-CP trong thời gian qua. Ngày 14 tháng 6 năm 2022, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3352/BCT-PVTM gửi các Bộ, ngành,

địa phương đề nghị rà soát, tổng kết thực hiện Nghị định 10/2018/NĐ-CP. Sau khi phân tích, tiếp thu ý kiến từ 04 Bộ ngành và 54 địa phương, Bộ Công Thương đã ghi nhận những tồn tại những bất cập, hạn chế. Cụ thể:

2.1. Những quy định chung

- Một số quy định tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP chưa hoàn toàn tương thích với các quy định của Luật QLNT và quy định của WTO;
- Kết cấu của Nghị định 10/2018/NĐ-CP đối với cả 03 biện pháp PVTM (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) chưa hoàn toàn phù hợp;
- Quy định tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP chưa bao quát được toàn bộ các tình huống phát sinh trên thực tế, đặc biệt là vấn đề chống lẫn tránh các biện pháp PVTM, vấn đề kinh tế thị trường, thị trường đặc biệt...

2.2. Các quy định cụ thể

2.2.1. Đối với điều tra chống bán phá giá và trợ cấp

a. Về nội dung quy định tại Chương I: Những quy định chung

- Chồng chéo quy định quyền của bên yêu cầu, bên bị yêu cầu và các bên liên quan khác.
- Vấn đề về cung cấp thông tin ở giai đoạn điều tra sơ bộ: Hiệp định về biện pháp chống bán phá giá của WTO không yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu chủ chốt để các bên liên quan có ý kiến bảo vệ quyền lợi của mình ở giai đoạn điều tra sơ bộ. Việc cung cấp các thông tin trên ở giai đoạn này có thể gây lộ thông tin điều tra, ảnh hưởng tiêu cực đến giai đoạn điều tra tiếp theo.
- Khoản 1, Khoản 2 Điều 10 hiện đang chưa tương thích với quy định tại Điều 6.8 Hiệp định Chống bán phá giá (ADA) và chưa rõ ràng như quy định tại Điều 6 Phụ lục II Hiệp định ADA. Do vậy, trong thực tiễn, CQĐT nhận được ý kiến của 1 số bên về việc được đính chính, bổ sung (thực chất là cung cấp mới thông tin). Do vậy, kiến nghị sửa khoản 1, khoản 2 Điều 10 để làm rõ việc bên liên quan chỉ có quyền giải trình, không có quyền cung cấp lại thông tin.
- Khoản 3 Điều 10 hiện không khả thi. Trên thực tế, nhiều công ty nhập khẩu sản xuất sản phẩm hạ nguồn không nắm được thông tin về vụ việc để tham gia. Bộ Công Thương hiện vẫn xử lý các hồ sơ đề nghị miễn trừ của các công ty này. Tuy nhiên, vẫn cần duy trì quy định này để khuyến khích các doanh nghiệp hạ nguồn tham gia vào vụ việc.

- Hiện nay, ta đang quy định cho các bên tự chuẩn bị bản trả lời công khai, dẫn tới việc các bên che quá nhiều thông tin không cần thiết, sau khi các bên khác tiếp cận được bản công khai thì không nắm bắt được bất cứ thông tin nào. Kiến nghị thêm quy định yêu cầu bên liên quan phải cung cấp bản công khai theo hướng dẫn của CQĐT.

- Điều 4 xác định ngành sản xuất trong nước cũng cần phải làm rõ 02 trường hợp đối với vụ việc điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và đối với vụ việc điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ. Ngoài ra, cũng cần bổ sung thêm trường hợp đặc biệt theo lãnh thổ để thống nhất với Hiệp định về chống bán phá giá và đề phòng trường hợp cần sử dụng biện pháp đặc thù này khi xem xét ngành sản xuất trong nước.

b. Về nội dung quy định tại Chương II: Điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp

- Kiến nghị bỏ nội dung yêu cầu về mức thuế nhập khẩu có hiệu lực (tại quyết định khởi xướng điều tra, quyết định về kết luận điều tra...) do ta tham gia nhiều FTAs nên mỗi mã hàng có nhiều mức thuế khác nhau, các mức thuế này có thể thay đổi theo lộ trình cam kết, do vậy việc cung cấp mức thuế nhập khẩu hiện hành là không cần thiết.

- Kiến nghị bổ sung nội dung cơ sở cho thấy sự cần thiết áp dụng thuế CBPG/CTC tạm thời. (làm cơ sở để xem xét hoàn lại thuế CBPG tạm thời theo quy định tại Điều 10 của Hiệp định ADA)

- Kiến nghị làm rõ nội dung về mức chênh lệch thuế, hoàn trả thuế trong nội dung Quyết định áp dụng biện pháp CBPG/CTC chính thức để làm rõ trường hợp thay đổi về phạm vi sản phẩm bị điều tra.

- Quy định hiện hành chưa có quy định cho phép CQĐT xác định lại thời kỳ điều tra nhằm đảm bảo dữ liệu thu thập được sát với thời điểm tiến hành điều tra nhất có thể.

- Chưa có quy định cho phép CQĐT ban hành và gửi bản câu hỏi về lượng và giá trị để phục vụ cho việc điều tra chọn mẫu trước khi gửi bản câu hỏi chính thức.

- Chưa có quy định về thời điểm CQĐT được tiến hành chọn mẫu điều tra.

c. Về nội dung quy định tại Chương IV: Rà soát việc áp dụng biện pháp PVTM

- Đối với việc rà soát theo đề nghị của bên liên quan, các mốc thời gian được tính theo thời điểm nộp hồ sơ. Do vậy khi có nhiều hồ sơ đề nghị rà soát của cùng một vụ việc nộp vào các thời điểm khác nhau, CQĐT sẽ gặp vướng mắc khi xác định thời điểm hoàn tất việc rà soát hồ sơ và kiến nghị tiến hành rà soát vụ việc.

- Quy định về việc tiến hành rà soát theo đề nghị của bên liên quan còn bị vướng mắc khi không có công ty nộp hồ sơ đề nghị rà soát – không xác định được mốc nhận hồ sơ đề nghị rà soát cho năm tiếp theo.

- Chưa có quy định giải quyết các trường hợp công ty đang bị áp thuế có thay đổi về cấu trúc công ty/cấu trúc sở hữu do sáp nhập, hợp nhất, mua bán nhà xưởng.

- Chưa có quy định giải quyết trường hợp không có công ty sản xuất trong nước đề nghị rà soát cuối kỳ của vụ việc.

- Chưa có quy định về việc nộp hồ sơ rà soát đối với rà soát nhà xuất khẩu mới, rà soát phạm vi hàng hóa.

- Chưa có quy định về thời điểm CQĐT bắt đầu thông báo tiếp nhận hồ sơ rà soát cuối kỳ.

- Chưa có quy định cụ thể về quy trình nộp hồ sơ đề nghị rà soát, thẩm định, ban hành quyết định rà soát cũng như việc gửi bản câu hỏi điều tra, ra kết luận của từng hình thức rà soát.

2.2.2. Đối với điều tra tự vệ

a. Về quy trình điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ

- Đối với thẩm định Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ đã được quy định tại Khoản 1 Điều 49 Nghị định 10/2018/NĐ-CP: “Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ yêu cầu, CQĐT có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ và hợp lệ của Hồ sơ yêu cầu”. Tuy nhiên, việc quy định 15 ngày như hiện nay là quá ngắn, và nảy sinh nhiều bất cập nếu doanh nghiệp nộp hồ sơ trước thời điểm các kỳ nghỉ lễ lớn như Tết Nguyên Đán, thời gian còn lại cho CQĐT xem xét hồ sơ là rất ngắn. Bên cạnh đó, có rất nhiều vụ việc với các sản phẩm điều tra mới, CQĐT cần có thời gian nghiên cứu phân tích thông tin và đề nghị Bên yêu cầu bổ sung thông tin để có đầy đủ số liệu thẩm định chi tiết Hồ sơ yêu cầu.

- Nghị định 10/2018/NĐ-CP hiện nay chưa có quy định về việc xác định đe dọa thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước, cũng như chưa có quy định về xác định mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng hóa nhập khẩu quá mức vào Việt Nam với thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước. Trong khi đó đây là một trong những nội dung quan trọng để CQĐT có đủ căn cứ để ra quyết định áp dụng biện pháp tự vệ.

- Ngoài ra, Nghị định 10/2018/NĐ-CP hiện nay chưa có quy định cụ thể về căn cứ để ban hành Quyết định không tiến hành điều tra áp dụng biện pháp tự vệ, điều này có thể nảy sinh vướng mắc, khiếu nại của doanh nghiệp về căn cứ pháp luật nào để Bộ Công Thương quyết định không tiến hành điều tra. Đối với các vụ việc rà soát biện pháp tự vệ, cũng chưa có quy định về bên đề nghị rà soát. Điều 59 Nghị định 10/2018/NĐ-CP chỉ quy định về bên đề nghị rà soát biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp. Do đó, cũng gây khó khăn cho CQĐT khi chưa đủ căn cứ để tiến hành rà soát biện pháp tự vệ.

- Bên cạnh đó, đối với quy định về áp dụng biện pháp PVTM đối với các nước, vùng lãnh thổ kém phát triển, đang phát triển. Hiện Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định Danh sách nước kém phát triển, đang phát triển do CQĐT xác định dựa trên cơ sở dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên, theo thực tiễn điều tra, đã xuất hiện tình trạng lợi dụng yếu tố này để lẩn tránh thuế PVTM do được loại trừ theo danh sách các nước kém phát triển hoặc đang phát triển như: trường hợp lẩn tránh thuế đã xảy ra với vụ SG04 (Malaysia, Kazakhstan) và SG06 (Jordan, Morocco). Do đó, cần phải xem xét sửa đổi, bổ sung quy định này.

b. Về nội dung của Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ

Tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP có quy định về bản câu hỏi điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp, tuy nhiên chưa có quy định về nội dung tương tự tại mục điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ. Ngoài ra, đối với nội dung phân tích về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP cũng chưa được rõ ràng và đầy đủ. Trong thực tế, để CQĐT thẩm định và xác minh tính chính xác liệu ngành sản xuất trong nước có đang chịu thiệt hại nghiêm trọng từ sự gia tăng đột biến của hàng hóa nhập khẩu hay không, CQĐT cần thêm các thông tin, số liệu về thiệt hại ít nhất trong 03 năm của ngành sản xuất trong nước. Đây cũng là một trong những nội dung quan trọng để làm căn cứ quyết định áp dụng biện pháp PVTM.

c. Về quy định về áp dụng biện pháp hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan

Hiện quy định này tại Khoản 2 Điều 54 Nghị định 10/2018/NĐ-CP chưa đầy đủ trong trường hợp một quốc gia có thể áp dụng một lượng hạn ngạch thấp hơn bình quân 03 năm gần nhất hoặc phân bổ lượng hạn ngạch cho từng quốc gia không theo thị phần bình quân trong 03 năm gần nhất so với quy định của Hiệp định Tự vệ của WTO.

Ngoài ra, Khoản 4 Điều 54 Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định nói lỏng biện pháp khi áp dụng hạn ngạch trong khi Hiệp định Tự vệ WTO quy định việc nói lỏng biện pháp tự vệ đối với tất cả các hình thức của biện pháp tự vệ (thuế, hạn ngạch...). Do đó, cũng cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho đầy đủ và phù hợp với quy định của WTO.

2.2.3. Đối với điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM

- Trong nội dung điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM, CQĐT có trách nhiệm điều tra về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước hoặc sự giảm hiệu quả biện pháp PVTM đang có hiệu lực do hành vi lẫn tránh gây ra. Tuy nhiên, Hồ sơ yêu cầu hiện đang thiếu nội dung này và cần được bổ sung. Quy định tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP cũng đang thiếu nội dung quan trọng về xác định sự gia tăng khối lượng, số lượng của hàng hóa lẫn tránh biện pháp PVTM tại Khoản 4 Điều 81. Ngoài ra, hiện chưa có quy định về nội dung bản câu hỏi điều tra và áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp PVTM; đối tượng nhận bản câu hỏi; thời gian ban hành bản câu hỏi; cũng như chưa có quy định về thời hạn trả lời bản câu hỏi điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM cho các bên liên quan.

- Điều 73 Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định về 05 trường hợp áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp PVTM (Khoản 1 đến Khoản 5). Theo đó, các Điều 74, 76, 77 của Nghị định quy định cụ thể về 03 trường hợp. Tuy nhiên, 02 trường hợp còn lại của Điều 73 (Khoản 4 và Khoản 5) chưa được quy định nội dung điều tra cụ thể của 02 hành vi này. Do đó, cũng cần phải bổ sung để có căn cứ thực hiện nếu xảy ra hành vi lẫn tránh đó.

- Hiện nay có ý kiến từ phía một số các công ty sản xuất trong nước cho rằng đang có hiện tượng các công ty sản xuất nước ngoài không xuất khẩu vào Việt Nam trong thời kỳ điều tra lợi dụng việc rà soát nhà xuất khẩu mới, chỉ xuất khẩu lượng rất nhỏ hàng hóa với giá không phá giá để được hưởng mức thuế thấp sau khi rà soát. Sau đó sẽ bắt đầu bán phá giá hàng hóa vào nước ta. Kiến nghị

xây dựng cơ chế chống lẩn tránh trong trường hợp này để tránh làm giảm hiệu quả của biện pháp.

- Hiện tại nội dung điều tra (Điều 81) với các hành vi lẩn tránh chưa có sự gắn kết với nhau dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều tra. Nên quy định, làm rõ nội dung điều tra gắn với từng hành vi lẩn tránh cụ thể.

- Hiện tại chưa có điều khoản quy định về thời hạn, nội dung rà soát lại việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh.

2.2.4. Đối với xử lý biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

Quá trình xử lý các vụ việc PVTM của nước ngoài đã phát hiện các bất cập, hạn chế mà các quy định tại Nghị định hiện này chưa thể điều chỉnh một cách phù hợp. Cụ thể:

- Các thuật ngữ về PVTM như chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ, chống lẩn tránh thuế, chống lẩn tránh biện pháp PVTM mới được định nghĩa trong lĩnh vực điều tra, chưa được định nghĩa trong xử lý vụ việc PVTM của nước ngoài. Còn một số thuật ngữ chưa được định nghĩa đầy đủ, có thể dễ gây hiểu lầm. Trong khi đó, Hoa Kỳ - quốc gia tiên phong và thường xuyên điều tra PVTM đối với Việt Nam đã sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về chống lẩn tránh biện pháp PVTM vào năm 2021 và đang tiếp tục đề xuất sửa đổi nhiều quy định để áp dụng linh hoạt hơn các biện pháp PVTM nhằm tăng cường bảo hộ sản xuất trong nước.

- Nhiều thuật ngữ chưa được sử dụng thống nhất trong toàn bộ Nghị định như là: tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, doanh nhân, thương nhân, vụ kiện, thông tin mật... Một số thuật ngữ chưa có định nghĩa, không đảm bảo tính chất rõ nghĩa và một nghĩa để có thể thực thi như là “ngân sách đặc thù”.

- Một số quy định có thể hạn chế hiệu quả xử lý vụ việc PVTM của nước ngoài trên thực tế hoặc quy định chưa rõ quyền hạn của Bộ Công Thương trong vụ việc điều tra PVTM, ví dụ: “trao đổi với nước nhập khẩu đang điều tra, áp dụng biện pháp PVTM” nhưng trên thực tế trong các vụ việc PVTM của nước ngoài, Bộ Công Thương cần trao đổi với nước nhập khẩu ngay trong quá trình trước khi điều tra; hoặc “tổ chức làm việc với CQĐT nước ngoài” nhưng trên thực tế Bộ Công Thương cần thiết làm việc với nhiều cơ quan liên quan khác của nước nhập khẩu...

- Hiện nay việc thuê dịch vụ tư vấn pháp lý theo quy định đang giới hạn trong trường hợp bị điều tra, áp dụng các biện pháp PVTM. Trên thực tế, ta cũng mới thuê dịch vụ tư vấn pháp lý cho các vụ việc điều tra chống trợ cấp khi Chính

phủ Việt Nam là một bên bắt buộc tham gia và cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu. Tuy nhiên, các thành viên WTO thường xuyên có những thay đổi trong hệ thống pháp lý và thực tiễn thực thi, theo đó yêu cầu Chính phủ Việt Nam cung cấp cả thông tin trong các vụ việc chống lẩn tránh biện pháp PVTM, giải trình về kinh tế thị trường, tình hình thị trường đặc biệt và giải quyết tranh chấp tại WTO... Do đó, Nghị định cần làm rõ việc thuê dịch vụ pháp lý đối với toàn bộ các trường hợp trên và nghiên cứu, đánh giá thay đổi chính sách PVTM của các nước thường xuyên điều tra với ta.

- Trong một số trường hợp doanh nghiệp không tham gia hợp tác với CQĐT, cần xem xét hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực của Chính phủ để tham gia vụ việc. Đối với các vụ việc này, việc hợp tác của Chính phủ không mang lại nhiều ý nghĩa do CQĐT nước ngoài không xác định được lợi ích doanh nghiệp được hưởng trên thực tế hoặc không xác minh chéo được thông tin cung cấp bởi Chính phủ và doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu.

- Các Thành viên WTO có xu hướng tăng cường bảo hộ không chỉ thông qua việc gia tăng số lượng vụ việc, mở rộng phạm vi sản phẩm mà còn áp dụng nhiều quy định hành chính khắt khe hơn trong các vụ việc điều tra PVTM như là gửi nhiều bản câu hỏi trong một vụ việc, cho thời gian trả lời ngắn, yêu cầu cung cấp nhiều tài liệu hơn; thậm chí một số nước quy định khắt khe về yêu cầu nộp như phải theo mẫu bắt buộc, yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự... tạo ra gánh nặng cung cấp thông tin cho Chính phủ và các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam. Do đó, Nghị định cũng cần làm rõ hơn trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan và cơ chế phối hợp liên ngành để xử lý vụ việc hiệu quả trong thời gian ngắn nhất.

- Cuối cùng, mặc dù đã tăng cường tuyên truyền đào tạo trong nhiều năm qua, nhưng do lĩnh vực PVTM là lĩnh vực mang tính kỹ thuật cao, lại thường xuyên được các thành viên WTO rà soát thay đổi để phù hợp với thực tế, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam còn nhiều hạn chế trong nhận thức về PVTM, kiến thức và khả năng ứng phó chưa cao dẫn tới việc trong nhiều vụ việc chưa hợp tác đầy đủ với CQĐT nước ngoài dẫn tới bị áp mức thuế cao, làm giảm khả năng cạnh tranh và giữ thị trường xuất khẩu. Nghị định cũng chưa quy định được các chế tài mà Bộ Công Thương có thể áp dụng đối với các doanh nghiệp bị đơn bắt buộc không hợp tác điều tra gây ảnh hưởng tới toàn bộ ngành sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

**PHẦN III: THAY ĐỔI PHÁP LUẬT PVTM VÀ THỰC TIỄN CÔNG
TÁC ĐIỀU TRA, XỬ LÝ BIỆN PHÁP PVTM CỦA MỘT SỐ NƯỚC/KHU
VỰC TRÊN THẾ GIỚI TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY
– BÀI HỌC CHO VIỆT NAM**

3.1. Bối cảnh, xu hướng chung

Những năm gần đây, thế giới đã chứng kiến sự suy thoái kinh tế toàn cầu do tác động của dịch bệnh, thương mại toàn cầu tiếp tục phát triển với tốc độ chậm lại khi cuộc xung đột ở U-crai-na nổ ra và chưa có dấu hiệu chấm dứt. Điều này dẫn tới xu hướng bảo hộ thương mại diễn ra ngày càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Chính sách bảo hộ thương mại có thể có nhiều hình thức, trong đó thuế quan là biện pháp được sử dụng chủ yếu. Ngoài ra còn có các rào cản phi thuế quan như tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn vệ sinh, hạn ngạch, kiểm soát trao đổi, giấy phép nhập khẩu, yêu cầu về thủ tục hải quan hay yêu cầu về quy tắc xuất xứ nghiêm ngặt. Chính sách bảo hộ thương mại có thể cho phép các chính phủ thúc đẩy thương mại và sản xuất trong nước đối với hàng hóa và dịch vụ, áp dụng trợ cấp thuế quan và hạn ngạch hoặc hạn chế hàng hóa và dịch vụ nước ngoài trên thị trường. Tuy nhiên, về lâu dài, việc từ bỏ các chính sách thương mại tự do hoặc triển khai các biện pháp bảo hộ có thể gây ảnh hưởng cho các quốc gia như làm chậm tăng trưởng kinh tế và gia tăng lạm phát.

Các biện pháp bảo hộ thương mại có thể làm hạn chế nhập khẩu hàng hoá từ nước ngoài, khi hàng nhập khẩu được nhập với thuế suất cao thì giá của hàng hóa đó sẽ được bán với giá cao, khả năng cạnh tranh của hàng nhập khẩu bị giảm xuống. Bên cạnh đó, các chính sách này có thể bảo hộ các nhà sản xuất trong nước, thúc đẩy thương mại và sản xuất của các doanh nghiệp nội địa, hàng hoá nội địa có cơ hội tiếp cận thị trường ít cạnh tranh hơn do các chính sách bảo hộ đã hạn chế hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài, thậm chí giúp các nhà sản xuất có thể cạnh tranh để xâm chiếm thị trường nước ngoài. Ngoài những ưu điểm mà các biện pháp bảo hộ thương mại đem lại, chúng vẫn tồn tại những nhược điểm nhất định. Khi các biện pháp bảo hộ được áp dụng thì các doanh nghiệp nội địa sẽ không nâng cao chất lượng hàng hóa để tăng khả năng cạnh tranh như trước nữa. Theo đó thì việc áp dụng các biện pháp bảo hộ sẽ gây mất cân bằng nền kinh tế, cô lập nền kinh tế với các quốc gia khác trên thế giới.

Chủ nghĩa bảo hộ đã trở thành xu hướng trên toàn cầu kể từ năm 2008, khi mà các quốc gia sử dụng các chính sách mới nhằm hỗ trợ hoạt động của doanh